

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0311638525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2012, thay đổi lần thứ 7 ngày
12 tháng 09 năm 2016)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ



TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP (ACV)

Địa chỉ: 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38485383

Fax: (84.8) 38445127

Website:

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 10-11 Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84-4) 39352722

Fax: (+84-4) 22200669

Website: www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

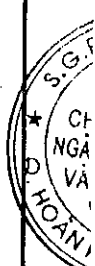
Điện thoại: (+84-4) 38218886

Fax: (+84-4) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đào Việt Dũng - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (84.8) 38485383, số fax: (84.8) 38445127



7.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	29
8.	Chính sách đối với người lao động	31
8.1.	Số lượng người lao động trong Tổng công ty	31
8.2.	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	32
9.	Chính sách trả cổ tức	33
10.	Tình hình tài chính.....	33
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	33
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	38
11.	Tài sản	39
11.1.	Tài sản cố định.....	39
11.2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	40
11.3.	Đất đai.....	41
12.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	41
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay.....)	43
14.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	43
14.1.	Chiến lược kinh doanh.....	43
14.2.	Chiến lược về thị trường và sản phẩm, dịch vụ.....	44
14.3.	Chiến lược quản trị doanh nghiệp	44
14.4.	Chiến lược đầu tư	45
14.5.	Chiến lược về vốn.....	45
14.6.	Chiến lược về công nghệ.....	46
14.7.	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	46
14.8.	Một số chỉ tiêu chính	47
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).....	47
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	47
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị, danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, phân biệt rõ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị điều hành).....	47

1.1.	Ông Nguyễn Nguyên Hùng	47
1.2.	Ông Lê Mạnh Hùng.....	49
1.3.	Ông Đào Việt Dũng.....	50
1.4.	Bà Lê Thị Diệu Thúy.....	51
1.5.	Các tiêu ban của Hội đồng Quản trị	52
2.	Ban kiểm soát	52
2.1.	Bà Huỳnh Thị Diệu – Trưởng Ban Kiểm soát.....	52
2.2.	Bà Lê Thị Hương Giang – thành viên Ban Kiểm soát	53
2.3.	Bà Hoàng Thị Thành – thành viên Ban Kiểm soát.....	54
3.	Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý	56
3.1.	Ông Lê Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc.....	56
3.2.	Ông Trần Văn Thắng – Phó Tổng Giám đốc	56
3.3.	Ông Lê Xuân Tùng – Phó Tổng Giám đốc.....	57
3.4.	Ông Đỗ Tất Bình – Phó Tổng Giám đốc.....	58
3.5.	Ông Hồ Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc	59
3.6.	Ông Nguyễn Đình Dương – Phó Tổng Giám đốc	60
3.7.	Ông Võ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc.....	62
3.8.	Ông Đào Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc	63
3.9.	Bà Lê Thị Diệu Thúy - Phó Tổng Giám đốc	63
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	63
III.	PHỤ LỤC	64

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/05/2016	15
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại ngày 30/05/2016	15
Bảng 3: Danh sách các công ty con.....	17
Bảng 4: Danh sách các công ty liên kết.....	18
Bảng 5: Danh sách các khoản đầu tư dài hạn.....	19
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của Tổng công ty trong năm 2014, 2015	21
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu dịch vụ hàng không.....	24
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu dịch vụ phi hàng không.....	25
Bảng 9: Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2014, 2015 (Công ty mẹ).....	26
Bảng 10: Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2014, 2015 (Hợp nhất).....	27
Bảng 11: Các dự án trọng điểm của Tổng công ty trong giai đoạn 2012 - 2015	29
Bảng 12: Quy mô và cơ cấu lao động của Tổng Công ty.....	32
Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Tổng Công ty	36
Bảng 14: Các khoản phải thu của Tổng Công ty.....	36
Bảng 15: Các khoản phải trả của Tổng Công ty.....	37
Bảng 16: Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	38
Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.....	38
Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty năm 2014, 2015.....	39
Bảng 19: Tài sản cố định của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2015	40
Bảng 20: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40
Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016.....	41

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ACV	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP
Tổ chức đăng ký/Tổ chức phát hành	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
TGD	Tổng Giám đốc
CTCP	Công ty Cổ phần
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
VĐL	Vốn điều lệ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
VCSH	Vốn chủ sở hữu

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

Tên Tiếng Việt Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP
 Loại hình công ty Công ty cổ phần
 Tên Tiếng Anh Airports Corporation of Vietnam
 Tên viết tắt ACV
 Trụ sở chính 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 Điện thoại (84.8) 38485383 Fax: (84.8) 3 8445127
 Website <http://www.vietnamairport.vn/>
 Mã số thuế 0311638525
 Biểu trưng (logo)



Vốn điều lệ đăng ký: 21.771.732.360.000 đồng
 Vốn điều lệ thực góp: 21.771.732.360.000 đồng
 Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0311638525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 12 tháng 09 năm 2016

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không & sân bay;

Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại các cảng hàng không sân bay;

- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: ACV
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 2.177.173.236 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng (HCCN) theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 13.234.303 cổ phiếu theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu HCCN	Thời gian HCCN
Cán bộ công nhân viên	10.231.300	Tùy theo số năm cam kết làm việc của từng CBCNV
Công đoàn	3.003.003	Vĩnh viễn

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam .

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/05/2016, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP có 18 nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 64.163.904 cổ phiếu (chiếm 2,95% cổ phiếu đăng ký giao dịch)

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.3.1 Giai đoạn từ năm 1975 đến tháng 3/1993

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước hòa bình và bước vào công cuộc khôi phục kinh tế, ngày 11/02/1976, Chính phủ đã ra Nghị định số 28/CP về việc thành lập Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam trên cơ sở Cục Hàng không dân dụng được tổ chức theo Nghị định 666/TTg ngày 15/11/1956 của Chính phủ. Với mục đích bắt nhịp nhiệm vụ của thời bình, đáp ứng nhu cầu vận chuyển bằng đường hàng không, 03 sân bay Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất đã được sửa chữa, nâng cấp để trở thành các sân bay quốc tế tại 03 miền đất nước. Thời điểm này, các sân bay trực tiếp thuộc sự quản lý của Tổng Cục hàng không dân dụng Việt Nam.

1.3.2 Giai đoạn từ tháng 4/1993 đến tháng 6/1998

Chính sách “Đổi Mới” của Đảng đã từng bước giúp nền kinh tế đất nước ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao, thị trường hàng không đã có dấu hiệu khởi sắc. Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng cường quản lý các sân bay có hoạt động khai thác hàng không dân dụng, Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam đã ký Quyết định số 202/CAAV, 203/CAAV và 204/CAAV ngày 02/04/1993 về việc thành lập Cụm cảng hàng không sân bay miền Bắc, miền Trung, miền Nam, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu, trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Giai đoạn này, các Cụm cảng hàng không khu vực cũng là đơn vị thực hiện một số chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành tại Cảng hàng không – Sân bay.

1.3.3 Giai đoạn từ tháng 7/1998 đến 2006

Ngày 31/12/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 113/1998/QĐ-TTg chuyển đổi các Cụm cảng hàng không sân bay miền Bắc, Trung, Nam thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích và đổi tên thành ba Cụm cảng Hàng không miền Bắc – Trung – Nam. Các Cụm cảng hàng không khu vực vẫn tiếp tục vừa thực hiện chức năng kinh doanh, cung cấp các dịch vụ công ích, vừa thực hiện chức năng quản lý Nhà nước tại các cảng hàng không – sân bay.

1.3.4 Giai đoạn từ năm 2007 đến tháng 03/2012

Quá trình hội nhập kinh tế của đất nước được đánh dấu bằng sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Luật Hàng không dân dụng 2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 đã phản ánh đầy đủ các chuyển biến về cơ chế quản lý của ngành Hàng không nói chung và các doanh nghiệp cảng hàng không nói riêng. Năm 2007, Bộ Giao thông Vận tải đã quyết định thành lập các Tổng công ty Cảng hàng không miền Bắc, Trung và Nam. Đồng thời, ba Cảng vụ hàng không miền Bắc, Trung, Nam được thành lập từ một bộ phận của ba Tổng công ty cảng, trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không tại các cảng hàng không, sân bay.

Từ tháng 7/2010, ba Tổng công ty Cảng hàng không miền Bắc, Trung, Nam tiếp tục được chuyển đổi theo mô hình các công ty TNHH Nhà nước một thành viên, hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

1.3.5 Giai đoạn từ tháng 03/2012 đến 31/03/2016

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (Airports Corporation of Vietnam – ACV) được thành lập theo Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 08/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải trên cơ sở hợp nhất ba Tổng công ty: Tổng công ty Cảng hàng không miền Bắc, Tổng công ty Cảng hàng không miền Trung và Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam.

Mục tiêu thành lập Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam nhằm tập trung nguồn lực, trí tuệ, thực hiện nhất quán chiến lược phát triển Tổng công ty thành doanh nghiệp mạnh trong ngành hàng không khu vực và thế giới, bảo đảm an ninh an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển nhanh và bền vững, góp phần củng cố an ninh quốc phòng, đóng góp quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hội nhập với khu vực và thế giới.

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, hiện đang quản lý 22 cảng hàng không trên cả nước trong đó có 21 cảng hàng không đang khai thác, đồng thời góp vốn đầu tư vào 03 công ty con và các công ty liên kết.

Tổng công ty đã đầu tư hàng chục ngàn tỷ đồng để mở rộng, nâng cấp hoàn chỉnh và đồng bộ kết cấu hạ tầng, tạo thành hệ thống các Cảng hàng không hiện đại theo tiêu chuẩn ICAO; thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trong giao tiếp và ứng xử với khách hàng, nâng cao

chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của hành khách; hội nhập tốt với khu vực và thế giới.

Ngày 06/10/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 1710/QĐ-TTg Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Ngày 10/12/2015, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đã phối hợp với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam với giá đầu giá thành công bình quân là 14.344 đồng/cổ phần.

Ngày 16/03/2016, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP tổ chức đại hội cổ đông lần đầu.

1.3.6 Giai đoạn từ 01/04/2016 đến nay

Từ ngày 01/04/2016, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0311638525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 12 tháng 09 năm 2016 với vốn điều lệ là 21.771.732.360.000 đồng. Kể từ thời điểm chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP không thực hiện tăng vốn điều lệ, vẫn giữ mức vốn điều lệ ban đầu là 21.771.732.360.000 đồng.

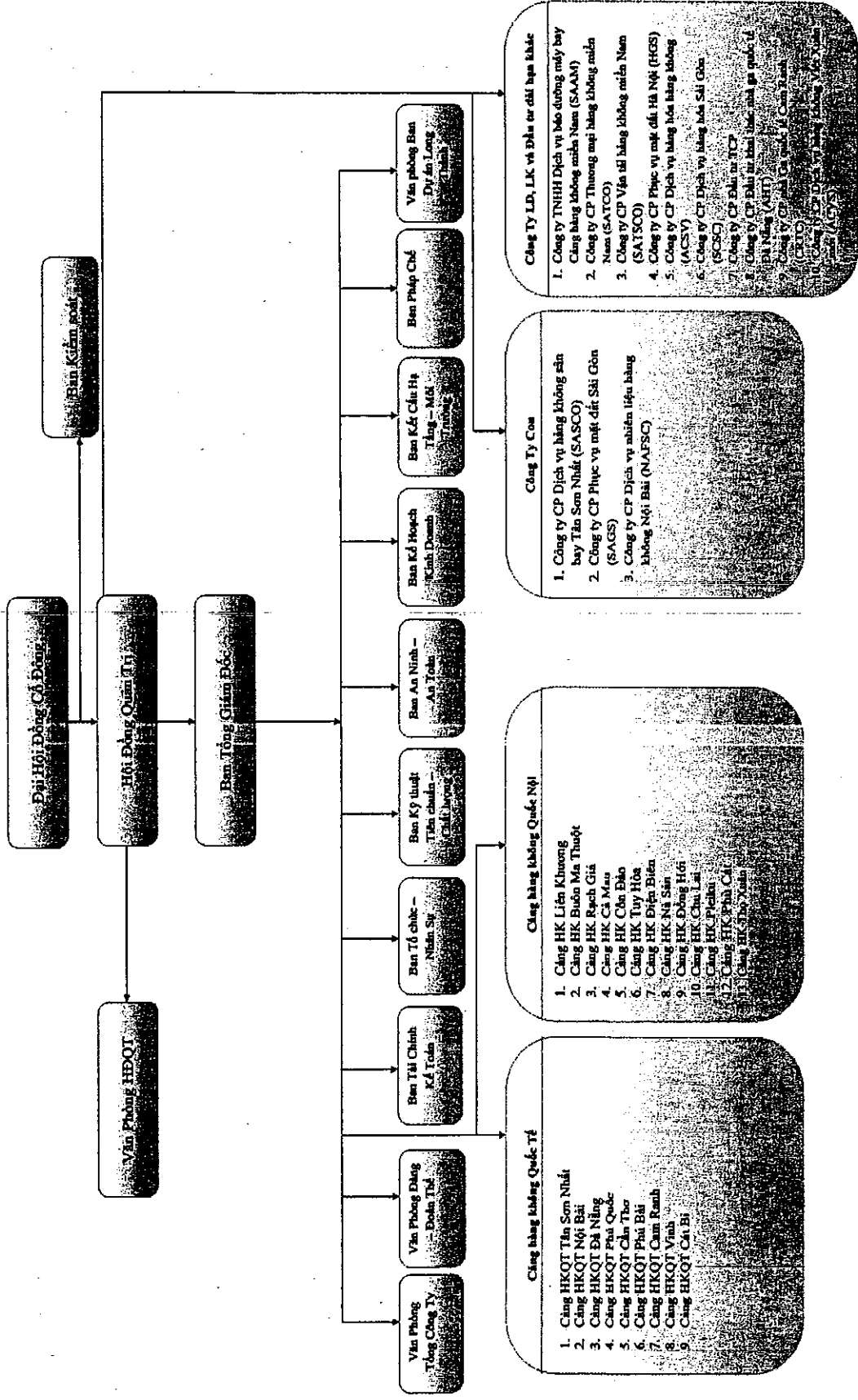
Ngày 30/06/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Công văn số 4031/UBCK-GSĐC về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

2.1. Mô hình tổ chức hoạt động

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP ("*Tổng công ty*" hay "*ACV*") được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con với 03 công ty con, 10 công ty liên doanh liên kết, đầu tư dài hạn khác và 22 chi nhánh cảng hàng không trên khắp cả nước.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP



Tổng công ty có 22 chi nhánh là 22 cảng hàng không của ACV, trong đó có 09 cảng hàng không quốc tế và 13 cảng hàng hàng không quốc nội.

- **Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

- **Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- **Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Tô 2, ấp Dương Tơ, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

- **Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Số 179B Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

- **Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Phú Bài, khu 8, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

- **Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ: Sân bay Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

- Cảng Hàng không Quốc tế Vinh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cảng hàng không Vinh, Xã Nghi Liên, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

- Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cảng hàng không Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

- Cảng Hàng không Liên Khương – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cảng hàng không Liên Khương Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

- Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cảng hàng không Buôn Ma Thuột, thôn 3, Xã Hòa Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

- Cảng Hàng không Rạch Giá – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: 418 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Vĩnh Lợi, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

- Cảng Hàng không Cà Mau - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Số 93, đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

- Cảng Hàng không Côn Đảo – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cảng hàng không Côn Đảo, tiểu khu 1, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Cảng Hàng không Tuy Hòa - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Thạnh, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

- **Cảng Hàng không Điện Biên - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, Phường Thanh Trường, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

- **Cảng Hàng không Nà Sản - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Tiểu khu Nà Sản, Xã Chiềng Mung, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

- **Cảng Hàng không Đồng Hới - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Cảng hàng không Đồng Hới, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

- **Cảng hàng không Chu Lai - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Cảng Hàng không Chu Lai, Xã Tam Nghĩa, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

- **Cảng Hàng không Pleiku – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Cảng hàng không Pleiku, đường 17/3, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

- **Cảng Hàng không Phù Cát - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Số 01, Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

- **Cảng Hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP**

Địa chỉ: Sân bay Sao Vàng, Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

2.2. Cơ cấu tổ chức

Tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty dự kiến như sau:

2.2.1 Đại hội cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền.

2.2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý ACV, có toàn quyền nhân danh ACV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ACV không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có tối thiểu là 04 thành viên và không quá 07 thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên không điều hành và thành viên độc lập, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của ACV. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Chủ trì xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.

2.2.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành ACV, thực trạng tài chính của ACV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát có từ 03 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu, trong đó có hơn một nửa tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của ACV và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của ACV.

Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2.2.4 Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của ACV.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của ACV và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc bao gồm các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

2.3. Các phòng ban chức năng

2.3.1 Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.2 Ban Pháp chế

Tiền thân của Ban Pháp chế là Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ, được thành lập theo quyết định số 49/QĐ-HĐTV ngày 28/3/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ được đổi tên thành Ban Pháp chế theo Quyết định số 180/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban Pháp chế là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.3 Văn phòng Tổng công ty

Văn phòng Tổng công ty là ban chức năng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, được thành lập theo quyết định số 48/QĐ-HĐTV ngày 28/3/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam; và được giữ nguyên tên khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 25/04/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Văn phòng Tổng công ty là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.4 Văn phòng Đảng – Đoàn thể

Văn phòng Đảng – Đoàn thể được hợp nhất từ Văn phòng Đảng ủy và Văn phòng Công đoàn – Đoàn thanh niên theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 25/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Văn phòng Đảng – Đoàn thể là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ; Ban chấp hành Công đoàn và Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.5 Ban Tổ chức – Nhân sự

Tiền thân của Ban Tổ chức – Nhân sự là Ban Tổ chức Cán bộ - Lao động Tiền lương, được thành lập theo quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 28/3/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Ban Tổ chức Cán bộ - Lao động Tiền lương được đổi tên thành Ban Tổ chức – Nhân sự theo Quyết định số 178/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban Tổ chức – Nhân sự là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.6 Ban Tài chính – Kế toán

Ban Tài chính – Kế toán là ban chức năng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, được thành lập theo quyết định số 43/QĐ-HĐTV ngày 28/3/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam; và được giữ nguyên tên khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 25/04/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban Tài chính – Kế toán là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.7 Ban Kế hoạch – Kinh doanh

Tiền thân của Ban Kế hoạch – Kinh doanh là Ban Kế hoạch, được thành lập theo quyết định số 279/QĐ-HĐTV-TCCB ngày 01/7/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Ban Kế hoạch được đổi tên thành Ban Kế hoạch – Kinh doanh theo Quyết định số 180/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban Kế hoạch – Kinh doanh là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.8 Ban Kết cấu hạ tầng – Môi trường

Tiền thân của Ban Kết cấu hạ tầng – Môi trường là Ban Kết cấu hạ tầng, được thành lập theo quyết định số 280/QĐ-HĐTV-TCCB ngày 01/7/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Ban Kết cấu hạ tầng được đổi tên thành Ban Kết cấu hạ tầng – Môi trường theo Quyết định số 179/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban Kết cấu hạ tầng – Môi trường là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.9 Ban An ninh An toàn

Ban An ninh – An toàn là ban chức năng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, được thành lập theo quyết định số 41/QĐ-HĐTV ngày 28/3/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam; và được giữ nguyên tên khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 25/04/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban An ninh – An toàn là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.10 Ban Kỹ thuật – Tiêu chuẩn – Chất lượng

Ban Kỹ thuật – Tiêu chuẩn – Chất lượng được hợp nhất từ Ban Khai thác cảng và Ban Kỹ thuật – Công nghệ - Môi trường theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Ban Kỹ thuật – Tiêu chuẩn – Chất lượng là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

2.3.11 Văn phòng Ban quản lý dự án Long Thành

Văn phòng Ban quản lý dự án Long Thành là ban chức năng thuộc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, được thành lập theo Quyết định số 177/QĐ-HĐQT ngày 28/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

3. Thông tin về cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/05/2016

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 30/05/2016

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	
		nắm giữ	Tỷ lệ
Bộ Giao thông Vận tải (Nhà nước)	80 Trần Hưng Đạo – quận Hoàn Kiếm – thành phố Hà Nội	2.076.943.011	95,40%

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP không có cổ đông sáng lập.

3.3. Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ) 30/05/2016

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại ngày 30/05/2016

TT	Họ và tên	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	7.799	2.113.009.332	97,05%
1	Cá nhân.	7.793	25.563.318	1,17%
2	Bộ Giao thông Vận tải	1	2.076.943.011	95,40%
3	Công đoàn Tổng Công ty.	1	3.003.003	0,14%
4	Tổ chức khác	4	7.500.000	0,34%
II	Cổ đông nước ngoài	18	64.163.904	2,95%
1	Cá nhân.	3	301.500	0,01%
2	Tổ chức	15	63.862.404	2,93%
	Tổng	7.817	2.177.173.236	100%

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổng công ty, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng công ty.

4.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng công ty

Không có

4.2. Các công ty con của Tổng công ty

Bảng 3: Danh sách các công ty con

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ACV	Tỷ lệ biểu quyết của ACV	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
Các công ty con sở hữu trực tiếp						
1	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO)	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	670,65	51,00%	51,00%	Dịch vụ thương mại mặt đất tại sân bay
2	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS)	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	78,00	55,51%	55,51%	Dịch vụ phục vụ mặt đất tại sân bay
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (NAFSC)	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	60,00	60,00%	60,00%	Cung cấp nhiên liệu hàng không

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

4.3. Các công ty liên kết, đầu tư dài hạn



Bảng 4: Danh sách các công ty liên kết

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ACV	Tỷ lệ biểu quyết của ACV	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
Các công ty liên kết sở hữu trực tiếp						
1	Công ty TNHH Dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam (SAAM)	Phòng 401, Tòa nhà SCSC, 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	15,30	51,00%	50,00% ¹	Bảo dưỡng máy bay
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam (SATCO)	112B Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	4,93	29,53%	29,53%	Sản xuất nước uống đóng chai
3	Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam (SATSCO)	1A Hồng Hà - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh	13,05	30,00%	30,00%	Vận tải hành khách đường bộ
4	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Hà Nội (HGS)	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	30,00	20,00%	20,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Phục vụ mặt đất)
5	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Hàng không (ACSV)	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	50,00	20,00%	20,00%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

¹ Tỷ lệ biểu quyết dựa trên thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn

Bảng 5: Danh sách các khoản đầu tư dài hạn

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ACV	Tỷ lệ biểu quyết của ACV	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
Đầu tư dài hạn						
1	Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn (SCSC)	Tòa nhà SCSC, 30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	75,00	15,63%	15,63%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Đầu tư TCP	Tòa nhà Văn phòng chi nhánh Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	19,8	18%	18%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Duy tu, sửa chữa công trình cầu, đường bộ và kết cấu hạ tầng. Thi công xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông)
3	Công ty Cổ phần đầu tư khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng (AHT)	Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	30	10%	10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu

<p>hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, an toàn hàng không)</p>		10%	10%	60	<p>Công ty Cổ phần Nhà Cảng hàng không quốc tế ga Quốc tế Cam Ranh Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa</p>
<p>10% Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, an toàn hàng không)</p>		10%	10%	5	<p>Công ty Cổ phần Dịch Tàng 2, tòa nhà Hiền Đức, vụ hàng không Việt Số 57 Trần Quốc Toản, Xuân Mới (ACVS) Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội</p>
<p>10% Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự)</p>		10%	10%		

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

5. Hoạt động kinh doanh

Tổng công ty là đơn vị quản lý, điều phối hoạt động và đầu tư khai thác toàn bộ hệ thống 22 Cảng hàng không – Sân bay quốc tế và quốc nội trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có thể được phân tách thành ba lĩnh vực chính: Dịch vụ hàng không, Dịch vụ phi hàng không và Bán hàng. Cơ cấu các nguồn doanh thu từ ba hoạt động kinh doanh chính nêu trên của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong các năm tài chính 2014 và 2015 được tóm lược trong bảng sau:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu của Tổng công ty trong năm 2014, 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12,
năm

	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
Giá trị (tỷ đồng)				
Bán hàng & cung cấp dịch vụ	7.998,75	100,00%	10.965,32	100,00%
Dịch vụ hàng không	6.409,23	80,13%	8.841,41	80,63%
Dịch vụ phi hàng không	924,23	11,55%	1.027,90	9,37%
Bán hàng	665,29	8,32%	1.096,01	10,00%

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

Phần lớn doanh thu của Tổng công ty được hình thành từ hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không (chiếm trên 80% Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong hai năm 2014 và 2015). Động lực tăng trưởng của nguồn doanh thu này xuất phát chủ yếu từ tốc độ tăng trưởng khối lượng vận chuyển hành khách qua cảng, khối lượng vận chuyển hàng hóa qua cảng và số lượt máy bay hạ cất cánh tại các cảng hàng không do Tổng công ty quản lý và khai thác.

Do có vai trò quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không tại Tổng công ty đặt ra yêu cầu tuân thủ về mức giá² và khung

² Mức giá: Là giá cố định cho từng loại dịch vụ theo Quyết định 1992/QĐ-BTC ban hành ngày 15/08/2014

giá³ dịch vụ quy định bởi Bộ Tài chính, trong đó, văn bản có hiệu lực tại thời điểm công bố thông tin là Quyết định 1992/QĐ-BTC ngày 15/08/2014.

Nguồn doanh thu từ dịch vụ phi hàng không được hình thành chủ yếu từ hoạt động khai thác không gian và diện tích mặt bằng trong nhà ga dưới sự quản lý của ACV, bao gồm các dịch vụ như cho thuê mặt bằng, cho thuê văn phòng, cho thuê mặt bằng quảng cáo, phí bến bãi giữ xe và các dịch vụ khác. Hoạt động thương mại phi hàng không không chịu sự quản lý về mức giá của Bộ Tài chính. Triển vọng tăng trưởng của nguồn doanh thu này sẽ bắt nguồn từ tốc độ tăng trưởng lưu lượng khách qua cảng, diện tích sử dụng cho hoạt động thương mại trong cảng hàng không và cơ cấu hoạt động thương mại nội cảng.

Bên cạnh hai nguồn doanh thu chính trên, Tổng công ty có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh hàng hóa trực tiếp tại một số cảng hàng không (Nội Bài, Đà Nẵng, Phú Quốc...), chiếm lần lượt 8% đến 10% Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong các năm 2014 và 2015. Nguồn doanh thu này chủ yếu xuất phát từ hoạt động bán hàng miễn thuế, đồ lưu niệm, dịch vụ ăn uống và kinh doanh các sản phẩm tiện ích khác trong cảng hàng không.

5.1. Dịch vụ hàng không

Dịch vụ hàng không của Tổng công ty bao gồm các dịch vụ chủ yếu sau:

- Phục vụ hành khách: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam thu phí phục vụ hành khách trên mỗi đầu khách đi qua cảng, trong đó loại trừ hoặc giảm phí với một số hành khách đặc biệt như khách ngoại giao, trẻ em, khách trên các chuyến bay phải hạ cánh vì lý do kỹ thuật... Nguồn doanh thu này ACV không trực tiếp thu từ hành khách mà thu gián tiếp trên giá vé máy bay của hãng hàng không. Tổng phí phải thu được tính toán trên cơ sở lượng khách thực tế qua cảng hàng tháng.
- Dịch vụ hạ cất cánh: Đây là hoạt động kinh doanh trong đó ACV cung cấp cơ sở vật chất như đường băng, đường lăn, hệ thống chiếu sáng và các hệ thống hỗ trợ khác như nhà khí tượng, hệ thống hạ cất cánh chính xác (ILS)... nhằm đảm bảo cho hoạt động hạ cất cánh an toàn của các hãng hàng không, đồng thời thu phí trên mỗi lần hạ cất cánh. Doanh thu hạ cất cánh được tính toán trên cơ sở trọng lượng máy bay (Trọng tải cất

³ Khung giá: Là giá tối đa và tối thiểu cho từng loại dịch vụ theo Quyết định 1992/QĐ-BTC ban hành ngày 15/08/2014

cánh tối đa – Maximum Take Off Weight), và mục đích khai thác của chuyến bay (quốc tế – nội địa).

- Dịch vụ phục vụ mặt đất: Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (ground handling) được thực hiện theo hợp đồng chuẩn của IATA, chủ yếu bao gồm những nội dung sau:
 - o Dịch vụ phục vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay, bao gồm các hoạt động: bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa và ngược lại bằng trang thiết bị chuyên dùng; điều phối chuyến bay; cân bằng trọng tải chuyến bay; hướng dẫn chất xếp chuyến bay; dịch vụ chuyên chờ hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga;
 - o Dịch vụ phục vụ hành khách, bao gồm dịch vụ thủ tục hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp; dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay; dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành; dịch vụ hỗ trợ cho các hành khách cần sự giúp đỡ đặc biệt, hành khách VIP/CIP;
 - o Dịch vụ phục vụ hành lý, bao gồm dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp; dịch vụ hành lý thất lạc;
 - o Dịch vụ cung cấp xe cấp điện, cấp khí...
- Dịch vụ soi chiếu an ninh: ACV cung cấp dịch vụ soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa qua việc sử dụng các thiết bị chuyên dụng (máy chiếu tia X, máy phát hiện kim loại và các trang thiết bị an ninh khác), đồng thời thu phí soi chiếu an ninh hàng không trên mỗi đầu khách (ngoại trừ trẻ em từ 2 đến 12 tuổi được miễn giảm 50% mức phí) hoặc mỗi tấn hàng hóa vận chuyển từ ngày 1/10/2014. Trước thời điểm 1/10/2014, phí dịch vụ soi chiếu an ninh hàng không được xác định theo loại máy bay và hành trình. Phí dịch vụ Soi chiếu an ninh hàng không được các hãng hàng không thu hộ trên giá vé máy bay kể từ ngày 01/10/2014.
- Dịch vụ hàng không khác: dịch vụ hàng không khác bao gồm các dịch vụ cho thuê sân đậu, dẫn tàu bay, cho thuê quầy thủ tục, cho thuê thang ống, canh gác tàu bay, kéo đẩy máy bay.

Doanh thu và cơ cấu đóng góp theo các dịch vụ hàng không trọng yếu trong hoạt động cung cấp Dịch vụ hàng không cho các năm tài chính 2013, 2014 và 2015 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu dịch vụ hàng không

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12,
năm

	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
Giá trị (tỷ đồng)				
Tổng doanh thu dịch vụ hàng không ..	6.409,23	100,00%	8.841,41	100,00%
Doanh thu phục vụ hành khách	3.733,32	58,25%	5.216,56	59,00%
Doanh thu hạ cất cánh	1.037,59	16,19%	1.423,04	16,10%
Doanh thu phục vụ mặt đất	471,52	7,36%	411,42	4,65%
Doanh thu soi chiếu ANHK	260,00	4,06%	451,68	5,11%
Doanh thu dịch vụ hàng không khác	906,80	14,15%	1.338,71	15,14%

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

5.2. Dịch vụ phi hàng không

Dịch vụ phi hàng không của ACV bao gồm các hoạt động sau:

- *Cho thuê mặt bằng* – Là nguồn doanh thu từ việc cho thuê sử dụng diện tích mặt bằng trong nhà ga cho các đơn vị kinh doanh những hoạt động thương mại phụ trợ như dịch vụ ăn uống, kinh doanh hàng hóa cao cấp và đồ lưu niệm. Trong những năm qua, Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch xây mới, trùng tu, mở rộng mặt bằng một số nhà ga trọng điểm, đi kèm với đó là quá trình thiết kế lại khu vực thương mại trong nhà ga nhằm tăng năng lực khai thác thương mại. Đến thời điểm hiện tại, các đơn vị thuê diện tích trong các cảng hàng không trọng điểm đã kinh doanh nhiều thương hiệu có uy tín tầm cỡ quốc tế như Hermes, Mont Blanc, Swatch, Christian Dior, Lancome, L'Oreal, Swarovski và Lacoste,...
- *Phí bến bãi giữ xe* – Là nguồn thu từ bến bãi đậu xe sử dụng bởi các hãng taxi, các đơn vị vận chuyển hành khách trong sân bay và các tổ chức khác, cũng như phí giữ xe hai bánh.
- *Dịch vụ quảng cáo* – Là nguồn thu từ hoạt động cho thuê không gian trong sân bay cho mục đích quảng bá thương hiệu. Bộ phận phụ trách kinh doanh tại các cảng hàng không đã phát triển thêm các vị trí, không gian quảng cáo chiến lược, dễ tiếp cận hơn

trong sân bay dưới các hình thức bảng billboard và bảng điện tử, đồng thời đẩy mạnh tiếp thị dịch vụ này đến các đơn vị có nhu cầu.

- *Dịch vụ cho thuê văn phòng* – Là nguồn thu từ việc cho các hãng hàng không và các đơn vị cung cấp dịch vụ thuê văn phòng tại cảng, thực hiện các hoạt động điều phối, điều hành hoạt động kinh doanh của các đơn vị này tại cảng.

Doanh thu từ hoạt động phi hàng không của Tổng công ty chủ yếu bắt nguồn từ hoạt động khai thác mặt bằng và không gian thương mại trong các cảng hàng không do ACV quản lý. Doanh thu và cơ cấu đóng góp của một số nguồn doanh thu trọng yếu trong hoạt động cung cấp Dịch vụ phi hàng không trong các năm tài chính 2014 và 2015 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu dịch vụ phi hàng không

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng
12, năm

	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
Giá trị (tỷ đồng)				
Tổng doanh thu dịch vụ phi hàng không	924,23	100,00%	1.027,90	100,00%
Doanh thu cho thuê mặt bằng	316,53	34,25%	359,52	34,98%
Doanh thu phí bến bãi, giữ xe	235,96	25,53%	330,43	32,15%
Doanh thu dịch vụ cho thuê quảng cáo	87,37	9,45%	100,87	9,81%
Doanh thu cung cấp dịch vụ tiện ích	51,00	5,52%	65,27	6,35%
Doanh thu phục vụ khách VIP, F, C	56,55	6,12%	74,26	7,22%
Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác	176,81	19,13%	97,54	9,49%

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 9: Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2014, 2015 (Công ty mẹ)

Giá trị (tỷ đồng)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm		
	2014	2015	% tăng giảm
Các chỉ tiêu			
Tổng tài sản (tại ngày cuối năm tài chính)	41.838,40	43.313,94	3,53%
Vốn chủ sở hữu (tại ngày cuối năm tài chính)	19.654,20	19.766,55	0,57%
Tổng doanh thu và thu nhập khác .	10.476,52	11.841,47	13,03%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.973,30	10.870,60	36,34%
Doanh thu tài chính	2.423,84	895,96	-63,04%
Thu nhập khác	79,38	74,92	-5,62%
Tổng chi phí.	7.318,22	9.770,03	33,50%
Giá vốn hàng bán	5.694,70	8.302,07	45,79%
Chi phí tài chính	462,83	751,76	62,43%
Chi phí bán hàng	46,82	30,78	-34,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp . . .	1.045,94	654,19	-37,45%
Chi phí khác	67,92	31,24	-54,01%
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.146,84	2.027,76	-35,56%
Lợi nhuận khác	11,46	43,68	281,23%
Lợi nhuận trước thuế	3.158,30	2.071,44	-34,41%
Lợi nhuận sau thuế	2.446,00	1.647,32	-32,65%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015

Bảng 10: Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2014, 2015 (Hợp nhất)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm

Giá trị (tỷ đồng)	2014	2015	% tăng giảm
Các chỉ tiêu			
Tổng tài sản (tại ngày cuối năm tài chính)	43.772,20	44.851,71	2,47%
Vốn chủ sở hữu (tại ngày cuối năm tài chính)	20.490,30	20.614,65	0,61%
Tổng doanh thu và thu nhập khác	13.186,44	14.392,92	9,15%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.554,71	13.172,76	24,80%
Doanh thu tài chính	2.504,50	959,73	-61,68%
Thu nhập khác	127,23	260,43	104,69%
Tổng chi phí.	9.780,85	12.135,98	24,08%
Giá vốn hàng bán	7.489,03	9.656,02	28,94%
Chi phí tài chính	501,36	810,63	61,69%
Chi phí bán hàng	416,37	428,37	2,88%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.296,31	1.203,30	-7,17%
Chi phí khác	77,78	37,65	-51,59%
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	1,92	20,48	967,99%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.358,06	2.054,65	-38,81%
Lợi nhuận khác	49,45	222,78	350,52%
Lợi nhuận trước thuế	3.407,51	2.277,43	-33,16%
Lợi nhuận sau thuế	2.633,82	1.753,10	-33,44%
Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	2.632,17	1.712,23	-34,95%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1,64	40,87	2385,08%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015

Ghi chú: Các chỉ tiêu tại ngày 31/12/2014 và chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 trong bảng thông tin tóm tắt này được trình bày theo số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 (số liệu đã được điều chỉnh theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước, đồng thời phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày mới theo Quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC).

Vấn đề nhấn mạnh của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 và 27 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, thực hiện theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất, Công ty con của Tổng công ty đã hoàn nhập số dư các khoản dự phòng đã trích lập từ các năm trước với tổng số tiền là 379.133.199.636 VND và không xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi và giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2014 theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã thực hiện trích lập lại dự phòng đầu tư tài chính và các khoản nợ phải thu khó đòi mà Công ty đã thực hiện trích lập từ trước năm 2014 nhưng phải hoàn nhập lại trong năm 2014 do thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC với số tiền lần lượt là 14.900.289.718 VND và 269.025.180.832 VND theo các quy định hiện hành

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 bản Thuyết minh BCTC hợp nhất, CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Công ty con của Tổng Công ty, áp dụng khoản 1, Điều 10, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính, Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc khó có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các năm trước với số tiền là 29.213.310.942 đồng.

Các vấn đề nhấn mạnh trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 01/04/2016

Vấn đề cần nhấn mạnh: Báo cáo vốn góp của Chủ sở hữu chỉ được sử dụng để nộp cho UBCKNN, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các Sở Giao dịch Chứng khoán liên quan đến việc Tổng Công ty thực hiện công tác đăng ký lưu ký chứng khoán, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM, niêm yết. Vì thế, Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

ACV là doanh nghiệp có quy mô khai thác vận chuyển, quản lý đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hàng không lớn nhất cả nước, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực với 12 công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác. ACV trực tiếp khai thác 22 cảng hàng không, bao gồm 09 cảng hàng không quốc tế và 13 cảng hàng không quốc nội.

Quá trình hình thành từ sự hợp nhất ba Tổng công ty Cảng hàng không Bắc, Trung, Nam giúp Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam có khả năng tập trung điều động và phân phối các nguồn nhân lực và vật lực trong hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư, từ đó có vai trò to lớn trong quá trình mở rộng, trùng tu và xây mới hệ thống cảng hàng không trong giai đoạn 2012 – 2015. Danh mục các dự án trọng điểm ACV đã đầu tư, triển khai thành công và đi vào hoạt động trong giai đoạn trên bao gồm:

Bảng 11: Các dự án trọng điểm của Tổng công ty trong giai đoạn 2012 - 2015

Công trình	Thời điểm đi vào hoạt động
Dự án Cảng hàng không quốc tế Cát Bi - Giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025	2015
Dự án Xây dựng Nhà ga hành khách T2 – CHKQT Nội Bài	2014
Dự án Mở rộng Nhà ga hành khách T1 – CHKQT Nội Bài	2013
Dự án mở rộng, nâng cấp sân đậu, nhà ga quốc tế, quốc nội - CHKQT Tân Sơn Nhất	2013 - 2015
Nâng cấp mở rộng CHKQT Phú Bài	2013
Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Pleiku	2015
Xây dựng mới Khu hàng không dân dụng, Cảng hàng không Tuy Hòa	2015
Dự án xây dựng nhà ga hành khách CHK Vinh	2015
Dự án Xây dựng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	2012

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

7.2.1 Thị trường thế giới

Trong thời kỳ 2016 – 2020, xu hướng toàn cầu hoá tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Các liên minh hàng không toàn cầu tiếp tục được mở rộng, các hãng hàng không thành viên liên minh đều

tập trung phát triển mạng bay và hệ thống bán hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm tồn tại và phát triển trong thị trường hàng không ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Theo phân tích của Airbus, lượng khách đi lại bằng đường không sẽ tăng trưởng gấp đôi sau mỗi 15 năm, trong đó, giai đoạn 2011-2020⁴, tốc độ tăng trưởng bình quân sẽ đạt 5,1%/năm. Bên cạnh đó, 30% lượng khách đi lại bằng đường không là tầng lớp trung lưu (được tính dựa trên mức chi tiêu từ 10 USD-100 USD/người/ngày) và sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tương lai. Số lượng dân số thuộc tầng lớp trung lưu sẽ đạt khoảng 3 tỷ người vào năm 2021 (chiếm khoảng 40% dân số), gấp 1,5 lần sau 10 năm, trong đó khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất (vào năm 2031 sẽ gấp 5 lần so với năm 2011). Cũng theo Airbus, các hãng hàng không Châu Á – Thái Bình Dương sẽ dần chiếm lĩnh vị trí vận chuyển hàng đầu trên thế giới với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 5,4%/năm.

Trong ngắn hạn, Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) ước tính ngành công nghiệp hàng không, ngoài đối tượng khách du lịch, nếu tính toán cả lượng khách tham gia hoạt động giao thương, tổng lượng khách sẽ đạt khoảng 3,6 tỷ khách vào năm 2016, so với mức 2,8 tỷ khách đạt được vào năm 2011.

7.2.2 Thị trường khu vực Châu Á

Trong khu vực châu Á, đặc biệt là khu vực Bắc Á và Đông Nam Á – châu Á Thái Bình Dương, các hãng hàng không truyền thống vẫn tiếp tục chiến lược giữ vững và nâng cao chất lượng dịch vụ để tạo ra lợi thế cạnh tranh trên cả đường bay quốc tế và đường bay nội địa so với các hãng hàng không khác. Mô hình hàng không giá rẻ có sự tăng trưởng mạnh trong những năm vừa qua, và bất chấp tình hình cạnh tranh khốc liệt tốc độ tăng trưởng đội bay được dự báo ở mức 13%⁵ trong năm 2015. Một số hãng hàng không truyền thống đã thiết lập các công ty con – công ty liên kết hoạt động trong phân khúc giá rẻ như việc Qantas thành lập Jetstar, Singapore Airlines thành lập Silk Air và Scoot, Thai Airways giành quyền kiểm soát lại Nok Air để cạnh tranh với sự phát triển của các hãng hàng giá rẻ.

Các sân bay trung chuyển và sân bay khu vực trên thế giới đang trở nên quá tải, khiến cho việc thu xếp slot (giờ cất/hạ cánh) sẽ ngày càng trở nên khó khăn, đặc biệt là tại các sân bay

⁴ Global Market Forecast, 2011 - 2030

⁵ CAPA, 2015

trung chuyên lớn trên thế giới (Paris, Tokyo, London) và tại khu vực Đông Nam Á (Singapore). Song hành với xu hướng trên, thị trường vận tải hàng không quốc tế sẽ dần chuyển hoạt động khai thác sang các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Việt Nam, tạo ra động lực phát triển nhanh chóng tại các thị trường này.

7.2.3 Thị trường Việt Nam

Theo dự báo của IATA, Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng ngành hàng không nhanh trong giai đoạn 2015 – 2034 với một số lý do chính sau:

- Kinh tế Việt Nam đã phục hồi và thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. GDP 9 tháng đầu năm 2015 của Việt Nam tăng 6,5% so với cuối 2014 – đây là mức tăng cao nhất từ 2010. ADB cũng đã nâng mức dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên mức 6,5% trong năm 2015 và 6,6% trong năm 2016.
- Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam thông qua việc tham gia các tổ chức ASEAN, APEC, WTO và Hiệp định TPP đã và sẽ tác động tới tiến trình tự do hoá trong chính sách vận tải hàng không của Việt Nam.
- Việc phát triển của các hãng hàng không giá rẻ tại Việt Nam là yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành hàng không nhờ việc mở rộng đối tượng khách hàng.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Tổng công ty

Quy mô và cơ cấu lao động trong Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

Bảng 12: Quy mô và cơ cấu lao động của Tổng Công ty

STT	Nội dung	Số lượng
	Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2015	8.473
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	3
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	8.470
	<i>Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn</i>	5.437
	<i>Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng</i>	2.880
	<i>Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng (bao gồm cả Hợp đồng thử việc và hợp đồng học nghề)</i>	153
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của cơ quan, đơn vị	-

	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo giới tính		8.473	100%
	<i>Nam</i>	6.012	70,95%
	<i>Nữ</i>	2.461	29,05%
Theo trình độ		8.473	100%
	<i>Tiến sỹ, thạc sỹ</i>	174	2,05%
	<i>Đại học</i>	3.133	36,98%
	<i>Cao đẳng, trung cấp</i>	3.487	41,15%
	<i>Công nhân kỹ thuật</i>	1.427	16,84%
	<i>Lao động chưa qua đào tạo</i>	252	2,97%
Theo tuổi		8.473	100%
	<i>Từ 30 tuổi trở xuống</i>	3.613	42,64%
	<i>Từ 31-45 tuổi</i>	3.525	41,60%
	<i>Từ 46-55 tuổi</i>	957	11,29%
	<i>Trên 56 tuổi</i>	378	4,46%

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Với đặc thù của lực lượng lao động tại các cảng hàng không chủ yếu là lao động chịu áp lực lớn, phải làm việc theo ca/kíp để duy trì hoạt động 24/24 của các cảng hàng không theo yêu cầu kỹ thuật Việt Nam và của Tổ chức Hàng không dân dụng thế giới ICAO. Lực lượng lao động phục vụ trực tiếp tại các cảng hàng không luôn phải ở trong trạng thái tập trung cao độ

bởi bất cứ sai sót nào cũng có thể dẫn đến những sự cố đáng tiếc. Đồng thời, Tổng công ty cũng luôn chịu áp lực nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho các hãng hàng không và hành khách tại mỗi cảng hàng không, đặc biệt là các cảng hàng không quốc tế.

Do đó, Tổng công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo huấn luyện nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc vụ cán bộ - nhân viên theo quy định của ngành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc từ đó thúc đẩy chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng cũng như hành khách của Tổng công ty không ngừng nâng cao.

Định hướng tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Tiền lương, tiền thưởng được sử dụng như đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc nhưng luôn nằm trong khuôn khổ các quy định của pháp luật.

9. Chính sách trả cổ tức

Tổng công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao TSCĐ:

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị (*)	05 - 10
Phương tiện vận tải (*)	04 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý (*)	04 - 06

(*) Tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV), các tài sản cố định hữu hình thuộc các nhóm này được phép khấu hao nhanh gấp 2 lần mức quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định bắt đầu từ ngày 01/01/2012. Thực hiện theo công văn số 4200/BTC-TCĐN ngày 01/04/2015 của Bộ Tài chính về việc trích khấu hao trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, Tổng Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị khấu hao tài sản cố định đã trích theo mức khấu hao nhanh trong giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2014 về mức bình thường và ghi giảm chi phí khấu hao vào trong năm tài chính 2015 với giá trị khoảng 119 tỷ đồng.

Ngoài ra, năm 2015, Tổng Công ty đưa mức trích khấu hao về mức khấu hao thông thường tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, không thực hiện khấu hao nhanh. Việc thay đổi mức khấu hao này làm chi phí khấu hao tài sản cố định giảm so với năm trước khoảng 214 tỷ đồng.

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, bao gồm chi phí quy hoạch và đền bù giải tỏa các sân bay địa phương, bản quyền bằng phát minh, phần mềm máy vi tính và giá trị quyền sử dụng đất tại số 23 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk và các tài sản cố định vô hình khác.

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

10.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ nợ phải trả.

10.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định. Cụ thể:

- Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng miễn thuế không chịu thuế GTGT đầu ra. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%. Thuế GTGT các doanh thu khác thực hiện theo quy định luật thuế GTGT hiện hành tại Việt Nam.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc (có địa điểm kinh doanh ngoài Thành phố Hồ Chí Minh) chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải nộp hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

- Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

10.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Tổng Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành.

10.1.5 Tổng dư nợ vay

Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Tổng Công ty

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	130,65	137,21	249,58	307,82
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.007,83	13.118,82	12.268,07	13.118,82
Tổng cộng	12.138,48	13.256,03	12.517,65	13.426,64

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2015

10.1.6 Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 14: Các khoản phải thu của Tổng Công ty

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.327,67	3.263,89	3.375,90	3.478,34
Phải thu của khách hàng	911,27	1.315,06	1.077,58	1.554,05
Trả trước cho người bán	1.609,14	1.425,62	1.631,93	1.441,50
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	807,52	523,23	666,65	548,33
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(0,26)	(0,03)	(0,26)	(65,55)
Các khoản phải thu dài hạn	0,05	0,05	442,19	179,31
Phải thu dài hạn của khách hàng	26,38	26,35	-	-
Phải thu dài hạn khác	272,45	0,05	740,97	447,78
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(298,78)	(26,35)	(298,78)	(268,47)
Tổng cộng	3.327,72	3.263,94	3.818,09	3.657,65

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2015

- Các khoản phải trả

Bảng 15: Các khoản phải trả của Tổng Công ty

Chi tiêu (tỷ đồng)	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Nợ ngắn hạn	6.703,56	7.461,58	7.540,00	8.151,14
Phải trả người bán ngắn hạn	1.380,22	980,05	1.730,45	1.261,45
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30,44	15,95	32,68	17,46
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	856,36	634,00	878,34	695,56
Phải trả người lao động	1.084,07	1.342,50	1.276,68	1.473,70
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.486,55	2.241,64	2.488,48	2.242,47
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	8,96	16,26	11,63	19,82
Phải trả ngắn hạn khác	170,65	1.551,74	238,77	1.567,01
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	130,65	137,21	249,58	307,82
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	3,60
Quỹ khen thưởng phúc lợi	555,67	542,23	633,40	562,25
Nợ dài hạn	15.480,63	16.085,81	15.741,90	16.085,91
Phải trả dài hạn người bán	10,83	11,94	10,83	11,94
Phải trả dài hạn khác	26,97	30,50	28,00	30,60
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.007,83	13.118,82	12.268,07	13.118,82
Dự phòng phải trả dài hạn	3.435,00	2.924,55	3.435,00	2.924,55
Tổng cộng	22.184,20	23.547,40	23.281,90	24.237,05

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2015

10.1.7 Đầu tư tài chính

- Đầu tư tài chính ngắn hạn

Bảng 16: Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.523,40	12.682,90	10.640,40	12.835,40
Chứng khoán kinh doanh	-	-	28,85	28,85
Tổng cộng	10.523,40	12.682,90	10.669,25	12.864,25

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2015

- Đầu tư tài chính dài hạn

Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	33,28	113,28	78,46	420,91
Đầu tư vào công ty con	813,75	808,65	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	75,00	110,94	205,24	236,37
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-	(14,90)
Tổng cộng	922,03	1,032,87	283,70	642,38

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2015

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty năm 2014, 2015

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm			
	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	2014	2015	2014	2015
Một số chỉ tiêu, hệ số trọng yếu				
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,54	0,53	0,54
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,13	1,19	1,14	1,18
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán nhanh	2,62	2,69	2,45	2,59
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,66	2,75	2,52	2,68
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ..	0,19	0,25	0,24	0,29
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	17,15	16,28	25,45	23,66
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	39,47%	18,65%	31,82%	15,60%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	30,68%	15,15%	24,95%	13,31%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (ROE)	13,37%	8,36%	12,85%	8,53%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản bình quân (ROA)	6,47%	3,87%	6,02%	3,96%

Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán năm 2014, 2015 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

11. Tài sản

11.1. Tài sản cố định

Bảng 19: Tài sản cố định của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% GT còn lại / Nguyên giá
TSCĐ hữu hình	36.415,77	(16.172,01)	20.243,76	55,59%
Nhà cửa	22.382,73	(8.907,30)	13.475,43	60,20%
Máy móc thiết bị	12.412,56	(6.083,09)	6.199,27	49,94%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.525,67	(1.089,43)	333,11	21,83%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	94,80	(92,19)	50,92	53,71%
TSCĐ vô hình	122,66	(87,04)	35,62	29,04%
Quyền sử dụng đất	2,33	(1,41)	0,92	39,62%
Bản quyền, bằng sáng chế	2,51	(0,92)	1,60	63,49%
Phần mềm máy vi tính	20,26	(12,77)	7,49	36,96%
TSCĐ vô hình khác (*)	97,56	(71,95)	25,61	26,25%
TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

(*) TSCĐ vô hình khác: Là các chi phí quy hoạch và đền bù, giải tỏa các sân bay địa phương

11.2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**Bảng 20: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2014	31/12/2015
Mua sắm tài sản cố định	6,59	14,14
Xây dựng cơ bản dở dang	1.044,16	926,08
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.016,64	78,41
Tổng cộng	2.067,39	1.018,62

Nguồn: BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

Ghi chú: Chi tiết các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang và sửa chữa lớn tài sản cố định được nêu tại Thuyết minh số 12, BCTC riêng được kiểm toán năm 2015

11.3. Đất đai

Hiện nay, ACV đang quản lý 59 cơ sở đất với diện tích là 31.035.254,07 m², được phân loại như sau:

Các khu đất bên ngoài khu vực sân bay: 37 cơ sở đất, với tổng diện tích 160.321,70 m², trong đó:

- Đất thuê trả tiền hàng năm có tổng diện tích 46.556,80 m², được xác định làm 03 loại sau:
 - o Đất hiện đang có hợp đồng thuê trả tiền hàng năm: 27.313,80 m²
 - o Đất đang đăng ký thủ tục xin thuê đất: 13.213,00 m²
 - o Đất đang làm thủ tục chuyển đổi hình thức sang thuê đất hàng năm: 6.030,00 m²
- Đất được giao không thu tiền sử dụng đất: 82.808,80 m²
- Đất đã hoàn trả cho địa phương: 29.831,10 m²
- Đất đang do công đoàn ACV sở hữu: 1.125,00 m²

Các khu đất bên trong khu vực sân bay gồm: 22 cơ sở đất, diện tích 30.907.219,97 m², trong đó:

- Đất thuê trả tiền hàng năm có tổng diện tích 2.119.846,16 m², bao gồm:
 - o Đất đang đăng ký thủ tục xin thuê đất: 2.119.846,16 m²
- Đất được giao không thu tiền sử dụng đất: 28.787.373,81 m²

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016

Giá trị (tỷ đồng)	Năm 2016	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2015
Doanh thu thuần	12.095	11%
Lợi nhuận trước thuế	2.056	- 1%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	17,00%	-10%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	9,44%	- 22%
Cổ tức	5%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất – Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam

Ghi chú:

- Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP chưa lập kế hoạch kinh doanh cho năm 2017.

Cơ sở lập kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của năm 2016:

- Căn cứ Quyết định 1710/QĐ-TTg ngày 06/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng Hàng Không Việt Nam.
- Tổng công ty thực hiện xây dựng và phân khai Kế hoạch 2016 thành 02 giai đoạn: gồm giai đoạn trước thời gian chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần (trước thời điểm 01/04/2016) và giai đoạn sau thời gian chuyển đổi thành công ty cổ phần (từ 01/04/2016 trở đi).
- Riêng đối với cơ chế hoạt động Khu bay, Tổng công ty tạm thời áp dụng phương án thuê tài sản và vận hành Khu bay đang xây dựng và trình phê duyệt.
- Căn cứ dự báo tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP và sản lượng vận tải hàng không trong nước- quốc tế, dự báo của các tổ chức Hàng không và các tổ chức kinh tế.

Dự báo thị trường hàng không và nhận định những khó khăn thuận lợi:**Thuận lợi:**

- Năm 2016, kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ có những cơ hội tốt từ quá trình hội nhập quốc tế với các Hiệp định như TPP, EU, AEC, kinh tế vĩ mô dần ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Tình hình vận chuyển và tài chính năm 2016 của các hãng hàng không toàn cầu tiếp tục cải thiện theo đà tăng trưởng của năm 2015. Tất cả các nhóm đường bay đều tăng trưởng, trong đó nhóm đường bay địa phương tăng trưởng mạnh do các hãng hàng không chi phí thấp sẽ đổ tải vào nhóm này. Lĩnh vực quan trọng nhất trong quá trình hội nhập của ngành hàng không là thị trường hàng không thống nhất ASEAN, với việc mở cửa bầu trời, các hãng hàng không của ASEAN tự do kinh doanh và khai thác trong ASEAN, nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa dự báo sẽ tăng trong năm 2016.
- Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với sự tăng trưởng của một số Cảng Hàng không địa phương cấp 2, 3 nâng cao chất lượng phục vụ bay, phục vụ mặt đất, tạo thuận lợi cho

đời sống nhân dân, tiếp cận và đi lại bằng đường hàng không dần trở thành lựa chọn hàng đầu cho nhu cầu đi lại.

- Công tác quản trị tài chính, cân đối thu chi, tận dụng các chính sách của Nhà nước, kiểm soát chi phí chặt chẽ giúp doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, tăng trưởng ổn định.

Khó khăn:

- Trên cơ sở chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần ảnh hưởng đến các quy định về giá cả dịch vụ do Nhà nước quy định, các hoạt động đầu tư, thuê tài sản vận hành Khu bay, chi phí liên quan đến đất đai... trước đây được xem là lợi thế bù đắp cho các hoạt động mục tiêu kinh tế chính trị của Tổng công ty.
- Năm 2016, tiếp tục thực hiện đầu tư một số công trình theo kế hoạch đầu tư dưới đây. Vì vậy, các tài sản này chưa đem lại doanh thu do đang trong quá trình đầu tư xây dựng.
- Tại một số Cảng Hàng Không địa phương, hiệu quả hoạt động kinh doanh còn phụ thuộc vào kế hoạch khai thác của các Hãng hàng không, tình hình kinh tế xã hội – du lịch khu vực nên chủ yếu hoạt động duy trì khai thác.
- Ngoài ra sự bất ổn chính trị thế giới, khu vực biển Đông tiềm ẩn nhiều rủi ro cho kinh tế hàng không quốc tế và hàng không Việt nam. Sự biến động của kinh tế tài chính ảnh hưởng đến chi phí đầu vào và đặc biệt không lường trước được biến động tỷ giá hối đoái liên quan đến các khoản vay vốn ODA dự án Nhà ga hành khách TSN và Nội Bài của Tổng công ty.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).

Hiện tại, Tổng công ty không có những cam kết nhưng chưa thực hiện.

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

14.1. Chiến lược kinh doanh

Trong giai đoạn 2016 – 2020, trên cơ sở đánh giá về môi trường kinh doanh, Tổng công ty xác định quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

- Thực hiện theo định hướng phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn 2016-2020 với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững góp phần thúc đẩy việc tăng trưởng ngành hàng không nói riêng và kinh tế cả nước nói chung.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Thực hiện tối ưu hóa doanh thu, đa dạng hóa các dịch vụ tại cảng hàng không, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng, tăng cường năng lực khai thác các cảng hàng không hiện hữu và tập trung nguồn lực đầu tư Cảng HKQT Long Thành. Đến năm 2020, đầu tư cơ bản hoàn chỉnh hệ thống mạng cảng hàng không trong cả nước đảm bảo hoàn thành 02 nhiệm vụ chiến lược là phát triển kinh tế, và đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức, đủ các kiến thức, kỹ năng, tiêu chuẩn để tiếp quản, ứng dụng, vận hành các công nghệ mới.

14.2. Chiến lược về thị trường và sản phẩm, dịch vụ

- Xây dựng chiến lược quảng bá, phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại, kêu gọi các hãng hàng không khai thác các đường bay mới đến Việt Nam.
- Hoàn thiện các dịch vụ hàng không; nghiên cứu cải tiến, đơn giản hóa thủ tục, quy trình vận hành khai thác để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ các hãng hàng không và phục vụ hành khách.
- Phát triển và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng hình thức và lĩnh vực đầu tư để kêu gọi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia góp vốn đầu tư; cung ứng nhiều dịch vụ phi hàng không nhằm nâng dần tỷ trọng doanh thu dịch vụ phi hàng không trong tổng doanh thu.
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các chính sách giá để phù hợp với chi phí đầu tư, chất lượng dịch vụ và đáp ứng theo cơ chế thị trường.

14.3. Chiến lược quản trị doanh nghiệp

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là công tác điều hành từ xa và công tác giám sát nhằm tiết kiệm chi phí, tăng nguồn thu đảm bảo lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Xây dựng các quy định phân cấp (phân cấp đầu tư, mua sắm trang thiết bị, quản lý tài chính,...) theo hướng phân cấp cho chi nhánh chủ động trong hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính.
- Tăng cường hơn nữa công tác đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt chú trọng công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập ngày càng cao của ACV với hàng không thế giới.
- Xây dựng chiến lược quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính phù hợp điều kiện phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo kinh doanh có lãi, và hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn.
- Tăng cường công tác quản trị các nguồn thu, đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường cơ chế giám sát tài chính, kiểm soát quản lý dự án chặt chẽ, tuân thủ các quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

14.4. Chiến lược đầu tư

- Xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp với mục tiêu, định hướng quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải đến 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Tiếp tục tập trung đầu tư, mở rộng đồng bộ các cảng hàng không hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh của ngành hàng không trong thời gian tới và đảm bảo an ninh an toàn cho hoạt động khai thác.
- Đặc biệt sẽ tập trung và ưu tiên mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển cảng hàng không mang tính chiến lược như Long Thành nhằm hình thành điểm trung chuyển hành khách và hàng hóa cạnh tranh trong khu vực và để giảm tải cho Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.

14.5. Chiến lược về vốn

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tích lũy từ hoạt động kinh doanh, tận dụng tối đa nguồn ưu đãi của các khoản vay ODA, phân tích đánh giá nhu cầu sử dụng các nguồn vốn vay (phát hành trái phiếu, tín dụng ngân hàng) nếu cần thiết và tập trung quản lý ổn định dòng tiền, tính thanh khoản nhanh trong hoạt động kinh doanh để phục vụ đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua đầu tư nâng cấp đồng bộ các cảng hàng không.
- Tăng cường công tác giám sát quản lý dự án, không triển khai các dự án chưa cần thiết, hiệu quả chưa cao nhằm tận dụng tối đa nguồn lực cho các dự án thiết thực, đạt hiệu quả

cao hoặc phục vụ cho yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và đảm bảo an ninh an toàn.

- Tổ chức phân kỳ đầu tư một cách hợp lý, đạt hiệu quả cao phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh doanh và đảm bảo an ninh an toàn.

14.6. Chiến lược về công nghệ

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành khai thác và cung cấp các dịch vụ; Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu triển khai, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong và ngoài ngành vào công việc hàng ngày.
- Khẩn trương hoàn tất chương trình New CNS/ATM theo lộ trình chung của toàn ngành hàng không.

14.7. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực bằng cách đa dạng hóa các hình thức, phương thức đào tạo ngắn hạn, dài hạn, đào tạo trong nước, đào tạo ngoài nước và tự đào tạo. Xây dựng các trung tâm huấn luyện, đào tạo của Tổng công ty có đủ cơ sở vật chất, giáo viên... để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực.
- Bố trí lại lực lượng lao động cho phù hợp với yêu cầu của công việc và năng lực quản lý của cán bộ. Cơ cấu lao động đồng bộ, số lượng lao động hợp lý gắn với chất lượng cao.
- Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ nguồn để làm cơ sở đào tạo, rèn luyện, bố trí, sắp xếp cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ phải được căn cứ vào tiêu chuẩn, vào hướng phát triển của từng cán bộ và định kỳ phải khảo sát đánh giá lại đội ngũ cán bộ hiện có để đảm bảo chất lượng công tác quy hoạch cán bộ.
- Áp dụng chế độ tuyển dụng công khai thông qua thi tuyển, thử việc trên cơ sở hệ thống tiêu chuẩn chặt chẽ, khoa học và công bằng cho mọi đối tượng. Ưu tiên sử dụng, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ và thực hiện chế độ ưu đãi đối với các đối tượng lao động tại các cảng hàng không.

14.8. Một số chỉ tiêu chính

Căn cứ định hướng phát triển và mục tiêu, các chiến lược nêu trên, phấn đấu đạt một số chỉ tiêu chính của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP trong giai đoạn 2016-2020 như sau:

- Hành khách với mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 6%-8%, trong đó Khách Quốc tế tăng bình quân 2%-3%/năm, Khách Quốc nội tăng bình quân khoảng 8%-10%/năm.
- Hàng hóa bưu kiện với mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 5,1%, trong đó, Quốc tế tăng bình quân 3,19%/năm, Quốc nội tăng bình quân 7,91%/năm.
- Hạ cất cánh với mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 6%-8%, trong đó, Quốc tế tăng bình quân 1,5%/năm, Quốc nội tăng bình quân 8,6%/năm.
- Tổng doanh thu dự kiến mức tăng trưởng bình quân khoảng 6%-8%/năm.
- Tổng chi phí dự kiến mức tăng trưởng bình quân 5%-6%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế trong giai đoạn dự kiến tăng trưởng bình quân 2%-3%/năm.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty (nếu có).

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị, danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, phân biệt rõ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị điều hành).

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Nguyên Hùng	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên	Thành viên điều hành
3	Đào Việt Dũng	Thành viên	Thành viên điều hành
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	Thành viên điều hành

1.1. Ông Nguyễn Nguyên Hùng

Ngày tháng năm sinh: 27/7/1957

Quê quán: Xã Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 172B Nguyễn Đình Chính, P11, Q.Phú Nhuận, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 172B Nguyễn Đình Chính, P11, Q.Phú Nhuận, TP HCM

Số Chứng minh thư nhân dân: 020263393 cấp ngày 25/03/2015 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 8/1998 - 8/2000: Phó Tổng giám đốc Cụm Cảng hàng không Miền Nam

Từ 9/2000 - 12/2007: Tổng Giám đốc Cụm Cảng hàng không Miền Nam

Từ 01/2008 - 01/2012: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Nam

Từ 02/2012 - 31/03/2016: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 3.300 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 1.185.292.264 cổ phiếu, tương ứng 54,44% (đại diện cho Bộ Giao thông Vận tải)

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 40.100 cổ phiếu, tương ứng 0,00%. Trong đó:

TT	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ
1	Nguyễn Quốc Hưng	40.100	0,00%	Con

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

1.2. Ông Lê Mạnh Hùng

Ngày tháng năm sinh: 19/7/1958

Quê quán: Xã Phong Dinh, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 23 Xóm Hạ Hồi, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nơi ở hiện tại: 23 Xóm Hạ Hồi, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số Chứng minh thư nhân dân: 042058000030 cấp ngày 09/12/2014 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị

Ngoại ngữ: Cử nhân Anh văn

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 4/2006 - 10/2008: Phó Tổng Giám đốc Cụm Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 11/2008 - 3/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 4/2010 - 01/2012: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 02/2012 – 31/03/2016: Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 3.300 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 487.884.371 cổ phiếu, tương ứng 22,41% (đại diện cho Bộ Giao thông Vận tải)

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0 %.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

1.3. Ông Đào Việt Dũng

Ngày tháng năm sinh: 01/3/1972

Quê quán: Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: 280/10 Cách Mạng Tháng 8, F10, Q.3, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 280/10 Cách Mạng Tháng 8, F10, Q.3, TP HCM

Số Chứng minh thư nhân dân: 022752286 cấp ngày 11/04/2006 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SAAM

Quá trình công tác:

Từ 8/2004 - 9/2008: Trưởng phòng Phát triển bán - Văn phòng Khu vực miền Nam – Tổng công ty Hàng không Việt Nam

Từ 9/2008 - 4/2011: Trưởng phòng Phục vụ hành khách, Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam

Từ 4/2011 - 02/2012: Phó Giám đốc Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam

Từ 02/2012 – 4/2015: Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc

Từ 4/2015 – 31/03/2016: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Kế hoạch - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 – 11/05/2016: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Kế hoạch, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

Từ 12/05/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 3.800 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 201.883.188 cổ phiếu, tương ứng 9,27% (đại diện cho Bộ Giao thông Vận tải)

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

1.4. Bà Lê Thị Diệu Thúy

Ngày tháng năm sinh: 17/03/1978;

Quê quán: Xã Vĩnh Bình Bắc, Huyện Vĩnh Thuận, Tỉnh Kiên Giang;

Địa chỉ thường trú: 171 Hai Bà Trưng, P.6, Q.3, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 171 Hai Bà Trưng, P.6, Q.3, TP HCM

Số Chứng minh thư nhân dân: 024597399 cấp ngày 18/07/2006 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;

Lý luận chính trị: Đang học Cao cấp lý luận chính trị

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 10/2007 - 8/2008: Phó phòng Khai thác ga quốc tế Tân Sơn Nhất

Từ 8/2008 – 4/2012: Phó trưởng Ban Quản lý cơ sở hạ tầng, Tổng công ty Cảng hàng không Miền Nam

Từ 4/2012 - 6/2014: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Từ 7/2014 - 3/2015: Trưởng ban Kế hoạch Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 4/2015 – 31/03/2016: Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến 21/07/2016: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Từ 22/07/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 6.200 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 201.883.188 cổ phiếu, tương ứng 9,27% (đại diện cho Bộ Giao thông Vận tải)

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

1.5. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị

Không có

2. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Bà Huỳnh Thị Diệu.	Trưởng ban	Thành viên chuyên trách
2	Bà Lê Thị Hương Giang	Thành viên	Thành viên chuyên trách
3	Bà Hoàng Thị Thành.	Thành viên	Thành viên kiêm nhiệm

2.1. Bà Huỳnh Thị Diệu – Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 14/01/1970

Quê quán: Duy Xuyên, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 332/42/4c Phan Văn Trị, P.11, Bình Thạnh, HCM

Nơi ở hiện tại: 332/42/4c Phan Văn Trị, P.11, Bình Thạnh, HCM

Chứng minh thư nhân dân: 022674636 cấp ngày 13/02/2014 tại TP-HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Lý luận chính trị: Trung cấp

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP TM Hàng không miền Nam.

Quá trình công tác:

Từ 01/1996 – 6/2005: Kế toán Xí nghiệp Thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất - Tổng công ty Hàng không Việt Nam

Từ 7/2005 – 03/2008: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Xí nghiệp Thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất - Tổng công ty Hàng không Việt Nam

Từ 05/2008 – 01/2012: Phó trưởng ban Ban Tài chính - Kế toán, Tổng công ty Cảng hàng không Miền Nam

Từ 02/2012 - 31/03/2016: Phó trưởng ban Ban Tài chính - Kế toán, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 4.300 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

2.2. Bà Lê Thị Hương Giang – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 10/9/1973

Quê quán: Hậu Giang

Địa chỉ thường trú: 139L Lý Chính Thắng, phường 7, Quận 3, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 139L Lý Chính Thắng, phường 7, Quận 3, TP HCM

Chứng minh thư nhân dân: 023095634 cấp ngày 14/08/2009 tại CA. TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 7/2004 – 01/2010: Trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp hóa dầu Solube, Công ty cổ phần Kho vận miền Nam

Từ 02/2010 – 01/2012: Chuyên viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Cảng hàng không Miền Nam

Từ 02/2012 – 5/2012: Chuyên viên Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 6/2012 - 03/2014: Phó trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ tháng 04/2014 – 31/03/2016: Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 5.700 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

2.3. Bà Hoàng Thị Thành – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 20/12/1968

Quê quán: Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 16A-N05 Chung cư K26 - Dương Quảng Hàm, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Nơi ở hiện tại: 16A-N05 Chung cư K26 - Dương Quảng Hàm, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Chứng minh thư nhân dân: 023322432 cấp ngày 14/08/2009 tại CA. TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó chánh Văn phòng Công đoàn – Đoàn thanh niên, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 08/1986 – 09/1997: Kế toán Nhà trẻ - Mẫu giáo Hàng không – Cụm Cảng HK miền Nam

Từ 09/1997 – 11/2004: Cán bộ Đoàn Thanh niên chuyên trách – Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cụm Cảng HK miền Nam

Từ 11/2004 – 4/2012: Chuyên viên Công Đoàn; UVBCH, Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Nữ công Công đoàn Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam (UVTV từ năm 2011)

Từ 04/2012 – 11/2002: Chuyên viên Công Đoàn; Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo – Nữ công Công đoàn Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/2013 – 01/2015: Chuyên viên Công Đoàn; Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Nữ công Công đoàn Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/2015 đến nay: Phó chánh Văn phòng Công đoàn – Đoàn thanh niên

Từ 01/04/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát (thành viên kiêm nhiệm), Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 4.800 cổ phiếu, tương ứng 0,00 %.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 5.700 cổ phiếu, tương ứng 0,00%. Trong đó:

TT	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ
1	Lê Văn Soái	3.300	0,00%	Chồng
2	Hoàng Thị Thanh	2.400	0,00%	Chị ruột

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT
2	Ông Trần Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
3	Ông Lê Xuân Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Đỗ Tất Bình.	Phó Tổng Giám đốc	
5	Ông Hồ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
6	Ông Nguyễn Đình Dương . .	Phó Tổng Giám đốc	
7	Ông Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	
8	Ông Đào Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT
9	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT
10	Ông Vũ Tuấn San	Trưởng Ban Tài chính Kế toán	Kế toán trưởng

3.1. Ông Lê Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc

Xem 1.2.

3.2. Ông Trần Văn Thắng – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 05/06/1957

Quê quán: Đông Thạnh, Cần Giuộc, Long An

Địa chỉ thường trú: 29/4C Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 29/4C Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q.1, TP HCM

Chứng minh thư nhân dân: 020263368 cấp ngày 21/11/2014 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Vật lý

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 1983 – 1989: Nhân viên Khí tượng hàng không Phòng Quản lý bay, sân bay Tân Sơn Nhất

Từ 1990 – 1993: Phó Ban Khí tượng hàng không sân bay Tân Sơn Nhất

Từ 1990 – 1993: Phó Ban Khí tượng hàng không sân bay Tân Sơn Nhất

Từ 1993 – 1996: Trưởng Ban Khí tượng Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất, Trung tâm Điều hành bay

Từ 1997 – 2000: Phó giám đốc Trung tâm Điều hành bay, Sân bay Tân Sơn Nhất, Cụm Cảng Hàng không miền Nam

Từ 2001 – 2004: Giám đốc Trung tâm Điều hành bay, Cụm Cảng Hàng không miền Nam

Từ 2004 – 01/2012: Phó Tổng giám đốc Cụm Cảng hàng không miền Nam

Từ 02/2012 – 31/03/2016: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 3.300 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3.3. Ông Lê Xuân Tùng – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 03/04/1963

Quê quán: Quảng Trị

Địa chỉ thường trú: 62 Nguyễn Đăng Đạo - Khuê Trung - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 62 Nguyễn Đăng Đạo - Khuê Trung - Đà Nẵng

Số Chứng minh thư nhân dân: 191398694 cấp ngày 03/06/2008 tại CA Thừa Thiên Huế

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Du lịch

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, kiêm Giám đốc Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng

Quá trình công tác:

Từ 10/1982 – 01/1984: Nhân viên Ngân hàng Hương Thủy – Thừa Thiên Huế

Từ 02/1984 – 03/1987: Nhân viên Tài vụ Lữ đoàn 161, vùng 3, Hải Quân

Từ 04/1987 – 12/1989: Nhân viên Thống kê Ban quản lý Công trình sân bay Đà Nẵng

Từ 01/1990 – 04/1997: Phụ trách kế toán sân bay Phú Bài, Cụm Cảng hàng không Miền Trung

Từ 05/1997 – 02/2002: Phó giám đốc sân bay Phú Bài, Cụm Cảng hàng không Miền Trung

Từ 03/2002 – 06/2008: Giám đốc sân bay Phú Bài, Cụm Cảng hàng không Miền Trung

Từ 07/2008 – 10/2010: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Trung

Từ 10/2010 – 03/2012: Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Trung

Từ 04/2012 – 31/03/2016 : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, kiêm Giám đốc Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng

Từ 01/04/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, kiêm Giám đốc Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 6.700 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3.4. Ông Đỗ Tất Bình – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 10/02/1963

Quê quán: Tiên Lãng, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 139/D1 Lý Chính Thắng, F7, Q.3, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 139/D1 Lý Chính Thắng, F7, Q.3, TP HCM

Số Chứng minh thư nhân dân: 025317792 cấp ngày 15/09/2010 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng sân bay

Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, Trưởng ban quản lý dự án T2 Nội Bài

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban quản lý dự án T2 Nội Bài

Quá trình công tác:

Từ 07/1992 - 07/1993: Kỹ sư thiết kế, Viện thiết kế công trình Hàng không

Từ 08/1993 – 06/1996: Kỹ sư phòng công trình, Cụm Cảng HK- SB miền Nam

Từ 06/1996 – 10/2000: Phó phòng công trình, Phó phòng kinh tế kế hoạch

Từ 10/2000 – 10/2006: Trưởng phòng Kế hoạch

Từ 11/2006 – 04/2008: Phó Tổng giám đốc Cụm Cảng HK miền Nam

Từ 05/2008 - 01/2012: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng HK miền Nam

Từ 02/2012 – 31/03/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Trưởng ban quản lý dự án T2 Nội Bài

Từ 01/04/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, Trưởng ban quản lý dự án T2 Nội Bài.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 5.700 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3.5. Ông Hồ Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 26/04/1959

Quê quán: Điện Phước, Điện Biên, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: K34/52 Thi Sách, TP Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: K34/52 Thi Sách, TP Đà Nẵng

Số Chứng minh thư nhân dân: 201338645 cấp ngày 14/06/2008 tại Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Ngoại ngữ: Tiếng Nga

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 09/1989 – 10/2003: Trợ lý Tổng giám đốc, chuyên viên, Trưởng phòng kế hoạch Cụm Cảng hàng không sân bay miền Trung

Từ 10/2003 – 02/1015: Phó giám đốc Cảng hàng không Nha Trang – Khánh Hòa

Từ 02/2005 – 10/2005: Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Chu lai – Quảng Nam

Từ 10/2005 – 06/2008: Trưởng phòng kế hoạch Cụm Cảng hàng không Miền Trung

Từ 06/2008 – 03/2012: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Trung

Từ 04/2012 – 10/07/2013: Phó Tổng Giám Đốc, kiêm Chánh Văn phòng Đảng ủy, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 11/07/2013 – 30/06/2014: Phó Tổng Giám Đốc, kiêm Trưởng Ban Kế hoạch, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/07/2014 – 31/03/2016: Phó Tổng Giám Đốc, kiêm Trưởng Ban Kết cấu Hạ tầng, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 – 11/05/2016: Phó Tổng Giám đốc, kiêm Trưởng Ban Kết cấu Hạ tầng, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

Từ 12/05/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 4.000 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3.6. Ông Nguyễn Đình Dương – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 03/02/1960

Quê quán: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Số 11, ngõ 266/5, Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Nơi ở hiện tại: Số 11, ngõ 266/5, Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Số Chứng minh thư nhân dân: 011787875 cấp ngày 14/12/2006 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 05/1986 – 12/1996: Nhân viên Trung tâm Quản lý Bay Dân dụng Việt Nam

Từ 01/1997 – 04/2001: Chuyên viên Ban KT-KV Cục Hàng không Việt Nam

Từ 05/2001 – 04/2002: Phó giám đốc Trung tâm Khai thác khu bay Nội Bài, Cụm Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 05/2002 – 04/2006: Giám đốc Trung tâm Khai thác khu bay Nội Bài, Cụm Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 04/2006 – 07/2008: Phó Tổng giám đốc Cụm Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 07/2008 – 06/2010: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 06/2010 – 11/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc, kiêm Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không Nội Bài

Từ 12/2011 – 04/2012: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 05/2012 – 31/03/2016: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 5.500 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3.7. Ông Võ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 03/06/1960

Quê quán: Xã Hương Mai, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 16A Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nơi ở hiện tại: 16A Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chứng minh thư nhân dân: 011787892 cấp ngày 01/12/2009 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý sân bay

Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 08/1985 – 12/1989: Trợ lý Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam

Từ 01/1990 – 12/1991: Chuyên viên Ban Kế hoạch Tổng công ty Hàng không Việt Nam

Từ 01/1992 – 12/1996: Chuyên viên Ban Xây dựng cơ bản Ban Kế hoạch Cục Hàng không dân dụng Việt Nam

Từ 01/2000 – 05/2000: Trưởng phòng Quản lý cảng, Ban Kế hoạch đầu tư, Cục Hàng không Việt Nam

Từ 06/2000 – 01/2004: Phó Ban Kế hoạch đầu tư, Cục Hàng không Việt Nam

Từ 01/2004 – 08/2005: Trưởng Ban Quản lý cảng, Cục Hàng không Việt Nam

Từ 08/2005 – 05/2008: Phó Tổng giám đốc Cụm Cảng Hàng không Miền Trung

Từ 05/2008 – 01/2012: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc

Từ 02/2012 – 31/03/2016: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

Từ 01/04/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 4.900 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

3.8. Ông Đào Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc

Xem 1.3.

3.9. Bà Lê Thị Diệu Thúy - Phó Tổng Giám đốc

Xem 1.4.

3.10. Ông Vũ Tuấn San – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 24/04/1955

Quê quán: Huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: 23 Lê Quý Đôn, Quận 3, TP HCM

Nơi ở hiện tại: 25/37/14 đường Cửu Long, phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM

Số Chứng minh thư nhân dân: 021606900 cấp ngày 10/06/2015 tại TP.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, vật lý

Lý luận chính trị: Cao cấp lý luận chính trị

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán, Kế toán trưởng Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ 7/1993 - 10/2006: Kế toán trưởng Cụm Cảng hàng không Miền Nam

Từ 11/2006 - 09/2010: Phó Tổng Giám đốc Cụm Cảng hàng không Miền Nam

Từ 09/2010 - 03/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty mẹ Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam

Từ 03/2012 đến nay: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán, Kế toán trưởng Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 3.600 cổ phiếu, tương ứng 0,00%.

Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%

Số lượng cổ phiếu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, tương ứng 0%.

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trên cơ sở Phương án cổ phần hóa và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, Tổng công ty sẽ hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận/đơn vị trên cơ sở cập nhật các quy định hiện hành.

Với định hướng tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp theo quy định áp dụng với công ty niêm yết và tiệm cận thông lệ tốt nhất, Tổng Công ty dự kiến sẽ xây dựng và hoàn chỉnh các quy định và quy chế nội bộ để tạo nên một hệ thống quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả. Hiện tại, Tổng công ty đã thực hiện xây dựng và ban hành *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị* và *Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát* cũng như đang tiến hành hoàn tất quá trình xây dựng các quy định, quy chế khác phù hợp với mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần
2. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2015.
3. Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 01/04/2016.

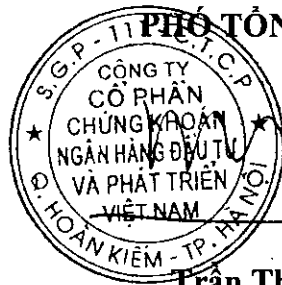
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2016

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Mạnh Hùng

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM**



Trần Thị Thu Thanh